

KHẢO SÁT PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY, KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ MÔN TIẾNG ANH LỚP 10 CỦA GIÁO VIÊN TẠI BỐN TRƯỜNG THPT TẠI TP.HCM

ThS. Phan Thị Thu Nga

ThS. Lê Phương Thảo¹

TÓM TẮT

Mục tiêu của bài nghiên cứu được trình bày trong bài báo cáo này là khảo sát phương pháp giảng dạy, kiểm tra và đánh giá môn tiếng Anh lớp 10 được áp dụng tại bốn trường THPT tại Tp.HCM. 38 giáo viên của bốn trường THPT tham gia trả lời phiếu khảo sát. Kết quả cho thấy hầu hết GV chưa áp dụng định hướng giao tiếp trong giảng dạy tiếng Anh theo hướng dẫn chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các chuyên gia biên soạn sách giáo khoa tiếng Anh 10. Các kỹ thuật dạy được GV áp dụng tương đồng với cách GV thiết kế bài kiểm tra một tiết (thi giữa kỳ và cuối kỳ). Nghĩa là, các câu hỏi trong bài kiểm tra gồm có văn phạm, từ vựng, ngữ âm và kỹ năng đọc; và những câu hỏi này không đo được năng lực giao tiếp của học sinh. Hơn nữa, kết quả phân tích đối chiếu về phương pháp giảng dạy, kiểm tra và đánh giá môn tiếng Anh lớp 10 theo hướng dẫn của Bộ GDĐT và nội dung các môn học thuộc chuyên ngành giảng dạy tiếng Anh tại ĐH Mở Tp.HCM cho thấy, sinh viên được trang bị kiến thức chuyên ngành hoàn toàn phù hợp cho việc giảng dạy tiếng Anh lớp 10. Một số đề xuất nghiên cứu tiếp theo và ứng dụng kết quả này sẽ được tìm thấy ở phần cuối của bài báo này.

ABSTRACT

The survey research reported in this article examines teaching, testing and assessment methods applied in senior high schools in Ho Chi Minh City. 38 teachers of English (Grade 10) from four schools participated in this survey. The results of the survey revealed that most of these teachers did not apply the Communicative Approach to language teaching recommended by the Ministry of Education and Training and the textbook (English 10) writers. Their teaching techniques are also in line with their testing techniques because their tests only included grammar, vocabulary, pronunciation and reading items which cannot measure students' communicative competence. Besides, the contrastive analysis of the recommended teaching approach, testing and assessment methods for senior high schoolers and the contents of major subjects in the curriculum of students majoring in English language teaching; and the results of the survey prove that what students have learned at university is appropriate for teaching English grade 10 in senior high schools. Some recommendations for further research and implications of the findings can be found at the end of this article.

¹ Trường Đại học Mở Tp.HCM.

TỔNG QUAN

Lịch sử nghiên cứu của vấn đề

Trong danh mục các đề tài nghiên cứu khoa học đã được nghiệm thu từ năm 2001 cho đến nay của Viện Nghiên cứu Giáo dục thuộc Trường ĐH Sư phạm TP.HCM không tìm thấy một đề tài NCKH hay một bài tham luận nào có liên quan đến phương pháp giảng dạy (PPGD) tiếng Anh mà GV THPT đang áp dụng hoặc chương trình đào tạo (CTĐT) GV tiếng Anh của các trường ĐH và nhu cầu thực tế của việc giảng dạy tiếng Anh tại các trường THPT trong cả nước.

Năm 2009, nhóm giảng viên của Khoa NN- Trường ĐH Mở TP.HCM có thực hiện một *Khảo sát mức độ đáp ứng nhu cầu người học và nhu cầu xã hội của CTĐT ngành PPGD tiếng Anh tại Trường ĐH Mở TP.HCM*. Kết quả cho thấy nhóm cựu sinh viên được các nhà tuyển dụng công nhận ở những phẩm chất cá nhân như năng lực học hỏi, thái độ đối với công việc mặc dù gặp nhiều khó khăn trong giao tiếp khi làm việc với người bản xứ. Nhóm sinh viên thực tập tại trường THPT Phan Đăng Lưu được GV hướng dẫn đánh giá là biết áp dụng thành công các PPGD vào thực tế mặc dù hiệu quả của việc sử dụng phương pháp chưa đạt đến mức thuần thục chưa cao hoặc chưa đều (Nguyễn, 2009).

Theo kết quả nghiên cứu tại Trường ĐH Ngoại Ngữ - thuộc ĐH Huế, (Trương, 2011) nhà tuyển dụng đánh giá cao năng lực sư phạm của các cựu sinh viên tốt nghiệp trường ĐH Ngoại ngữ- ĐH Huế và có những đề xuất như ưu tiên cải tiến tính thực tiễn, phù hợp của CTĐT với yêu cầu thực tế của các trường THPT.

Tính cấp thiết của vấn đề nghiên cứu

Sau khi điếm qua các đề tài NCKH trong nước về giảng dạy THPT, nghiệp vụ sư phạm, mức độ thỏa mãn nhu cầu giảng dạy tiếng Anh THPT của CTĐT GV tiếng Anh cho thấy rất ít tác giả nghiên cứu thực

tế giảng dạy tiếng Anh tại các trường THPT trong cả nước. Ý kiến phản hồi của GV tại các trường THPT nơi mà sinh viên ĐH Mở đến thực tập tốt nghiệp cho thấy giảng dạy theo thực tế khác với giảng dạy theo lý thuyết. Đây là hai nguyên nhân chính dẫn đến tính cấp thiết của việc nghiên cứu thực tế việc giảng dạy tiếng Anh tại các trường THPT. Chính vì vậy nhóm nghiên cứu muốn tìm hiểu PPGD và KTĐG mà GV THPT đang áp dụng cho HS THPT để tìm ra yêu cầu của công việc giảng dạy tiếng Anh thực tế tại các trường này.

Phạm vi nghiên cứu

Các thành viên của nhóm nghiên cứu chỉ khảo sát PPGD và kiểm tra đánh giá (KTĐG) môn tiếng Anh lớp 10 của GV tại bốn trường THPT tại TP.HCM nơi đã từng nhận sinh viên Khoa NN đến để thực tập tốt nghiệp. Đặc biệt là, bài nghiên cứu chỉ tìm hiểu các cách dạy và KTĐG bốn kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc và viết) và ba mặt của ngôn ngữ (văn phạm, từ vựng và ngữ âm) của các GV trên. Tuy nhiên các vấn đề khác như: khả năng quản lý lớp học, xử lý những tình huống bất ngờ xảy ra trong giờ học...v.v... không thuộc phạm vi nghiên cứu của đề tài này.

Mục tiêu nghiên cứu

Mục tiêu trọng tâm của đề tài nghiên cứu là tìm hiểu các PPGD và KTĐG môn tiếng Anh của HS khối 10 mà GV tại bốn trường THPT tại TP.HCM đã và đang ứng dụng nhằm giúp cho những HS này đạt mục tiêu chung theo quy định của Bộ GDĐT. Hơn nữa, nhóm nghiên cứu cũng muốn tìm hiểu những điểm tương đồng và / hoặc khác biệt về PPGD và KTĐG môn tiếng Anh mà sinh viên Khoa NN được trang bị trước khi ra trường và PPGD và KTĐG được áp dụng tại các trường THPT này. Từ đó tìm hiểu xem nội dung CTĐT GV tiếng Anh tại ĐH Mở có phù hợp với thực tế giảng dạy tiếng Anh tại các trường THPT hay không.

Ý nghĩa thực tiễn của vấn đề nghiên cứu

Kết quả nghiên cứu của đề tài sẽ giúp cho giảng viên đang phụ trách các môn học thuộc chuyên ngành giảng dạy tiếng Anh nghiên cứu lại các nội dung và giáo trình của các môn học nhằm bổ sung hoặc điều chỉnh sao cho phù hợp với nhu cầu giảng dạy thực tế tại các trường THPT. Hơn nữa, những kết luận được rút ra từ nghiên cứu này cũng giúp lãnh đạo nhà trường có những thay đổi trong tuyển sinh, xây dựng chuẩn đầu ra hợp lý và những chính sách hỗ trợ cho các hoạt động học thuật giúp các em sinh viên nâng cao kỹ năng ngôn ngữ và chuyên môn nghiệp vụ nhằm nâng cao chất lượng đào tạo GV tiếng Anh tại Khoa NN - Trường ĐH Mở TP.HCM.

Câu hỏi nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu

Để đạt được mục tiêu nghiên cứu của đề tài "*Khảo sát phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá môn tiếng Anh lớp 10 tại bốn trường THPT tại TP.HCM*", nhóm nghiên cứu đã xây dựng ba câu hỏi nghiên cứu định hướng là:

- Mục tiêu mà Bộ GDĐT cũng như các chuyên gia tham gia biên soạn SGK tiếng Anh dành cho HS lớp 10 là gì? Hay cụ thể là HS sẽ đạt được cái gì sau khi học xong chương trình tiếng Anh lớp 10?
- Giáo viên dạy tiếng Anh lớp 10 của bốn trường THPT tại TP.HCM dạy kiểm tra và đánh giá kết quả học tập môn tiếng Anh của HS lớp 10 như thế nào?
- Nội dung các môn học thuộc chuyên ngành đào tạo giáo viên tiếng Anh đang được áp dụng tại KNN, đặc biệt là các PPGD và KTĐG ngôn ngữ tiếng Anh có tương đồng với PPGD và KTĐG tiếng Anh 10 theo quy định chung của Bộ và theo thực tế tại bốn trường THPT tại TP.HCM hay không?

CƠ SỞ LÝ LUẬN

Phương pháp giảng dạy tiếng Anh 10

Tiếng Anh 10 chương trình chuẩn (Bộ GDĐT, 2006:12), chủ trương đi theo hai hướng tiếp cận thịnh hành trong giáo dục học và giáo học pháp ngoại ngữ trên thế giới và trong nước: hướng tiếp cận lấy người học làm trọng tâm (the learner-centered approach) trong giáo dục học và hướng tiếp cận thông qua hoạt động giao tiếp (the communicative approach) trong dạy ngoại ngữ, trong đó dạy dựa vào nhiệm vụ (task-based teaching) là PPGD chủ đạo. Theo các chuyên gia biên soạn sách tiếng Anh 10, hai hướng tiếp cận này được lựa chọn là vì chúng có nhiều điểm tương đồng: thứ nhất là cả hai đều coi HS là trọng tâm của quá trình dạy và học; thứ nữa, hai hướng tiếp cận này đều nhằm phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo của HS.

Theo PPGD truyền thống, GV thường đóng vai trò là trung tâm của quá trình dạy học theo hình thức "thông báo đồng loạt"- thầy nói cả lớp lắng nghe. Tuy nhiên, đối với hướng tiếp cận lấy người học làm trung tâm và hướng tiếp cận thông qua hoạt động giao tiếp, thầy không phải chỉ là người truyền thụ kiến thức mà còn là người tổ chức, người giúp đỡ, người cố vấn, người nêu vấn đề, nguồn tham khảo, và người tham gia vào quá trình học tập của người học. Về phía HS, các em không chỉ ngồi đối diện với thầy, nghe thầy giảng bài mà phải làm quen với các hoạt động theo cặp theo nhóm, sẵn sàng thực hiện những nhiệm vụ (ngôn ngữ hay giao tiếp) được giao một cách tự giác, tích cực dưới sự giám sát và giúp đỡ của thầy (Bộ GDĐT, 2006:12).

Năng lực ngôn ngữ (linguistic competence) như phát âm đúng, sử dụng từ vựng và cấu trúc ngữ pháp đúng, theo PPGD truyền thống, được xem là mục đích cuối cùng của giảng dạy. Tuy nhiên, theo hướng tiếp cận thông qua hoạt động

giao tiếp, năng lực giao tiếp thông qua các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết được cho là đích cuối cùng của giảng dạy, năng lực ngôn ngữ được cho là phương tiện được cung cấp để học sinh rèn luyện, đạt được các mục đích giao tiếp đã định (Bộ GDĐT, 2006:12).

Nội dung và cấu trúc SGK tiếng Anh 10 căn bản

Sách giáo khoa tiếng Anh 10 được biên soạn theo chương trình chuẩn tiếng Anh THPT của Bộ GDĐT tiếp theo tiếng Anh 6, Tiếng Anh 7, Tiếng Anh 8 và tiếng Anh 9. Tiếng Anh 10 được biên soạn theo chủ điểm (*theme-based*) gồm 16 đơn vị và sáu bài ôn. Mỗi đơn vị bài học ứng với một chủ đề cụ thể và bao gồm năm mục khác nhau.

Phần đọc: nhằm giúp học sinh phát triển các kỹ năng đọc hiểu như: (1) đọc lướt nhanh để hiểu ý chính của bài (*skimming for the main idea*); (2) đọc lướt nhanh để tìm những thông tin đặc biệt và cần thiết (*scanning for specific information*); (3) đọc và đoán nghĩa của từ theo ngữ cảnh (*guessing meaning from the context*); (4) đọc hiểu tất cả các chi tiết trong bài (*reading for detail*); và hai kiểu đọc "*extensive reading*" và "*intensive reading*" (Bộ GDĐT, 2006:10).

Các bài tập luyện kỹ năng đọc hiểu ở mỗi bài đọc được thiết kế theo ba bước: Bước một (trước khi đọc) bao gồm nhiều dạng bài tập khác nhau như câu hỏi nhằm gợi ý cho học sinh tập trung vào chủ đề của bài đọc, hay ghép hình ảnh với từ vựng có liên quan đến nội dung bài đọc. Ở bước hai (trong lúc đọc bài), có rất nhiều kiểu bài tập nhằm giúp HS hiểu ý chính, chi tiết và từ vựng được sử dụng trong bài như: ghép từ với nghĩa thích hợp (*matching*), câu hỏi trắc nghiệm đúng sai (*true/false statements*), câu hỏi trắc nghiệm với ba hoặc bốn lựa chọn (*3-4 multiple choice questions*), trả lời câu hỏi (*Wh-questions*

& *Yes/No questions*) điền từ vào chỗ trống (*gap-fill*). Bước ba (sau khi đọc bài) bao gồm các dạng bài tập theo cặp hoặc nhóm nhằm củng cố khả năng đọc hiểu của HS thông qua các hình thức hoạt động như tóm tắt hay kể lại bài đọc bằng khẩu ngữ hay bút ngữ và liên hệ chủ đề mình đang học với đời sống thực (Bộ GDĐT, 2006:10).

Phần Nói: gồm các hoạt động luyện kỹ năng nói theo các chức năng ngôn ngữ và theo chủ đề của đơn vị bài học, được trình bày qua các hoạt động giao tiếp như thực hành nói theo cặp, thảo luận theo nhóm và nói cá nhân. Mục đích của mỗi tiết dạy là nhằm phát triển kỹ năng nói của HS về những vấn đề liên quan đến chủ đề của mỗi bài học. Mỗi tiết dạy nói có ba đến bốn bài tập (*tasks*). Các bài tập một và hai thường cung cấp ngôn ngữ đầu vào và phát triển năng lực (*competences*) hay chức năng ngôn ngữ cụ thể (*specific functions*) cho HS. Các bài tập còn lại thường yêu cầu HS, sau khi thực hành các năng lực hay chức năng ngôn ngữ cụ thể, gắn kết chúng lại, bổ sung thêm và biến chúng thành một văn bản (chủ đề) có độ dài từ một đến hai phút để thực hành nói, có thể có hoặc không có sự hướng dẫn hay gợi ý của GV (Bộ GDĐT, 2006:10).

Phần Nghe: Gồm các đoạn văn hay các đoạn hội thoại liên quan đến chủ đề của đơn vị bài học. Mục đích chính là nhằm rèn luyện kỹ năng nghe hiểu cho HS như nghe lấy thông tin cụ thể (*listening for specific information*), nghe lấy thông tin chính (*listening for gist*) và hai cách nghe khác nhau như "*extensive listening*" và "*intensive listening*". Ngoài ra, phần bài tập luyện nghe còn giúp củng cố và chỉnh sửa lại những sai lệch về cách phát âm và sử dụng cấu trúc ngôn ngữ của HS. Các bước trong bài nghe cũng giống như ba phần đọc hiểu. Phần bài tập trước khi nghe (*Before you listen*) gồm có hai phần nhỏ: (1) hoạt động theo cặp hoặc nhóm giúp HS

làm quen với chủ đề của bài và tạo hứng thú cho các em trước khi nghe; và (2) giới thiệu các từ ngữ mới HS có thể gặp phải khi nghe. Mục đích của các bài tập này là tạo tâm thế cho các em chuẩn bị nghe.

Phần bài tập trong lúc nghe (*While you listen*) gồm hai đến bốn nhiệm vụ (*tasks*) trong đó yêu cầu HS nghe và thực hiện các nhiệm vụ như khớp nối thông tin (*matching*), trắc nghiệm đúng sai (*true/false*), trắc nghiệm khách quan với bốn phương án lựa chọn (*4-option multiple-choice questions*), trả lời các câu hỏi (*Yes-No or /and Wh-questions*). Hầu hết các nhiệm vụ trong phần này nhằm kiểm tra khả năng hiểu chi tiết chính và phụ trong bài nghe của HS.

Phần bài tập sau khi nghe (*After you listen*) nhằm củng cố kỹ năng nghe hiểu của HS thông qua các hoạt động tóm tắt hay kể lại bài nghe dưới hình thức nói hoặc viết và liên hệ chủ đề mình đang nghe với đời sống thực (Bộ GDĐT, 2006:10-11).

Phần Viết: gồm các bài tập phát triển kỹ năng viết của HS theo các thể loại văn bản khác nhau như viết thư, mô tả dữ liệu, trần thuật. Theo các chuyên gia biên soạn SGK, viết thường được coi là công việc khó khăn đối với HS. Chính vì vậy tiết dạy viết được bắt đầu bằng một bài viết mẫu về một thể loại cụ thể như: viết thư, mô tả đơn giản về một bộ phim, kể lại một sự kiện dưới dạng văn trần thuật, v.v... Mục này được kế tiếp bằng một nhiệm vụ yêu cầu HS thực hiện để tìm hiểu nội dung, cấu trúc và các từ ngữ thường được sử dụng trong thể loại của bài văn HS đang học. Sau đó các em được yêu cầu thực hành viết có hướng dẫn (Bộ GDĐT, 2006:11). Theo Harmer (1999:81) cách dạy viết này gọi là “Parallel writing” dành cho người học ở trình độ sơ cấp (Elementary). “Parallel writing” có những điểm tương đồng với “the product approach to writing” - giáo viên chú trọng mục tiêu của nhiệm vụ và sản phẩm cuối cùng (*in the end product*).

Phần trọng tâm ngôn ngữ: gồm hai mục chính: (1) luyện phát âm nhằm ôn lại cách phát âm những âm đơn và âm đôi trong từ và trong phát ngôn; (2) văn phạm và từ vựng đề cập đến những vấn đề ngữ pháp và từ vựng được cho là trọng tâm của đơn vị bài học. Những vấn đề này được trình bày dưới hình thức bài tập hay hoạt động giao tiếp để HS thực hành.

Do đó, như vừa mô tả ở trên, các chuyên gia biên soạn SGK tiếng Anh lớp 10 luôn tuân theo định hướng chung của Bộ GDĐT; nghĩa là mục tiêu cuối cùng mà người học phải đạt được sau khi hoàn thành chương trình tiếng Anh lớp 10 theo bộ SGK đang được sử dụng hiện tại là năng lực giao tiếp theo 16 chủ đề trong SGK thông qua bốn kỹ năng ngôn ngữ như nghe, nói, đọc và viết và năng lực ngôn ngữ (từ vựng, phát âm và văn phạm) được xem như là phương tiện hỗ trợ HS rèn luyện kỹ năng giao tiếp.

Phương pháp kiểm tra đánh giá môn tiếng Anh 10

Tiếng Anh 10 chủ trương theo đường hướng đánh giá liên tục (continuous assessment). Các hình thức kiểm tra bao gồm kiểm tra 10-15 phút, kiểm tra một tiết, và kiểm tra hết học kỳ hay hết năm học. Kiểm tra 10-15 phút có thể được tiến hành ở trên lớp dưới hình thức khẩu ngữ hay bút ngữ và tập trung vào một trong những thành phần được dạy và học như nghe, nói, đọc, viết hoặc ngữ âm, ngữ pháp và từ vựng. Kiểm tra một tiết và kiểm tra cuối kỳ hay cuối năm học tập trung vào cả bốn kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết, hoặc ngữ âm, ngữ pháp và từ vựng. Riêng kỹ năng nói, do khó khăn về việc quản lý và tổ chức, GV có thể lấy điểm từ các bài kiểm tra khẩu ngữ 10-15 phút hay từ những sự tham gia của HS trong các tiết dạy kỹ năng nói. Tỉ trọng của từng nội dung kiểm tra trong bài kiểm tra một tiết và cuối kỳ hay cuối năm học được tính ngang bằng nhau trong đó nghe hiểu chiếm 20%, đọc hiểu

20%, nói 20%, viết 20% và sử dụng ngôn ngữ 20% (Bộ GDĐT, 2006:13).

Tuy nhiên khi triển khai thực hiện bộ SGK mới từ năm học 2008-2009, Bộ GDĐT có hướng dẫn lại phương pháp KTĐG tùy vào thực tế của các trường THPT. Việc đánh giá kết quả học tập của HS cần được thông qua bốn kỹ năng: nghe, nói, đọc và viết. Việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của HS cần được thực hiện qua hai phương thức: thường xuyên và định kỳ, với nhiều hình thức khác nhau thông qua các hoạt động thực hành, luyện tập bài học trên lớp, kiểm tra 15 phút, kiểm tra 1 tiết, và kiểm tra cuối học kỳ. Cấu trúc của bài kiểm tra viết một tiết và cuối kỳ bao gồm bốn phần: (1) sử dụng ngôn ngữ -văn phạm và từ vựng (25%), (2) kỹ năng đọc (25%), (3) kỹ năng nghe (25%), và kỹ năng viết (25%). Như vậy, hướng dẫn chung của Bộ GDĐT về KTĐG kết quả học tập của HS lớp 10 hoàn toàn tương đồng với định hướng chung về PPGD môn tiếng Anh và định hướng biên soạn SGK của các chuyên gia. Hay nói cách khác, GV phải dạy cho HS năng lực giao tiếp thông qua các kỹ năng ngôn ngữ và do đó GV phải đánh giá kết quả học tập của HS thông qua bốn kỹ năng như nghe, nói, đọc và viết.

Nội dung của các môn học được áp dụng cho chuyên ngành giảng dạy tiếng Anh tại Khoa NN - Trường ĐH Mở TP.HCM:

Về phương pháp giảng dạy

Vào học kỳ thứ năm (năm thứ ba), sinh viên chuyên ngành giảng dạy tiếng Anh được tiếp cận môn học chuyên ngành đầu tiên là “*Phương pháp giảng dạy tiếng Anh 1*”. Nội dung chính môn học gồm tám PPGD khác nhau trong lịch sử của PPGD ngôn ngữ: (1) Phương pháp ngữ pháp dịch (*The Grammar Translation Method*); (2) Phương pháp trực tiếp (*The Direct Method*); (3) Phương pháp

nghe nhìn (*The Audio-Lingual Method*); (4) Phản ứng cơ học (*Total Physical Response*); và (5) hướng tiếp cận ngôn ngữ thông qua hoạt động giao tiếp (*The Communicative Approach*).

Môn học thứ hai thuộc chuyên ngành giảng dạy là “*Phương pháp giảng dạy tiếng Anh 2*”. Sinh viên học môn này vào học kỳ thứ sáu (năm thứ ba). Môn học này hướng cho sinh viên các bước thực hiện một bài dạy ngôn ngữ ở nhiều cấp độ khác nhau (ví dụ vỡ lòng, trung cấp và nâng cao). Trong đó có kiểu dạy “*Boomerang hay Engage - Activate - Study - (Activate)*” tương đồng với “*Task- Based Instruction*” theo hướng mà Bộ GDĐT yêu cầu GV dạy tiếng Anh THPT. Sinh viên cũng được tiếp cận các bước trình bày và hướng dẫn HS thực hành sử dụng một cấu trúc, các kỹ thuật dạy từ vựng, các kỹ thuật và trò chơi kiểm tra khả năng hiểu nhớ từ của người học, cách dạy phát âm và các loại bài tập và ba bước thực hiện một bài dạy kỹ năng nghe, nói, đọc và viết. Ngoài ra sinh viên cũng được trang bị kiến thức cơ bản về quản lý lớp học ngôn ngữ tiếng Anh, cách chọn SGK và soạn giáo án cho bài giảng.

Môn học thứ ba sinh viên phải hoàn thành vào học kỳ thứ bảy trước khi đi kiến tập và thực tập tại các trường THPT là “*Thực hành giảng dạy*”. Để hoàn thành môn học này sinh viên phải chọn sách tiếng Anh 10, 11 hoặc 12 hoặc bất kỳ một giáo trình dạy tiếng Anh (trình độ từ vỡ lòng đến trung cấp) để soạn giáo án tập giảng trên lớp. Đây là cơ hội các em áp dụng kiến thức đã học ở hai môn học trước vào bài giảng của mình.

Về phương pháp kiểm tra đánh giá

Ngoài các môn học về PPGD, sinh viên cũng được trang bị kiến thức về phương pháp KTĐG các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh của người học. Cụ thể là các em được trang bị kiến thức về các phương pháp KTĐG song song với các PPGD đã

được học, các nguyên tắc cần phải tuân thủ khi thiết kế câu hỏi TNKQ nhằm đảm bảo độ tin cậy của kết quả bài kiểm tra, các kỹ thuật thiết kế bài kiểm tra văn phạm và từ vựng, các kỹ thuật soạn câu hỏi kiểm tra kỹ năng nghe, nói, đọc và viết. Ngoài ra các em cũng nắm được các tiêu chí để đánh giá một bài kiểm tra tiếng Anh như độ giá trị, độ tin cậy, hiệu ứng của việc kiểm tra đối với việc dạy của thầy và việc học của trò, khả năng phân bổ của đề thi và khâu tổ chức kiểm tra đánh giá; và bài kiểu bài kiểm tra tiếng Anh như bài kiểm tra trên lớp (*class progress tests*), bài thi cuối kỳ (*achievement tests*) và các loại bài thi tiếng Anh đang được sử dụng trên thế giới hiện nay.

Tóm lại, sau khi phân tích cấu trúc một đơn vị bài học trong SGK tiếng Anh 10, PPGD mà các chuyên gia biên soạn sách đã định hướng trong SGK, PPGD và KTĐG kết quả học tập của HS theo hướng dẫn chung của Bộ GDĐT, nội dung CTĐT GV tiếng Anh tại Khoa NN - Trường ĐH Mở TP.HCM - đặc biệt là các môn học thuộc chuyên ngành về PPGD, có thể kết luận rằng, theo lý thuyết, sinh viên ngành giảng dạy tiếng Anh được trang bị kiến thức hoàn toàn phù hợp với yêu cầu của Bộ GDĐT về PPGD tiếng Anh THPT nói chung và tiếng Anh 10. Tuy nhiên, theo thực tế, GV THPT giảng dạy, kiểm tra và đánh giá kết quả học tập của HS như thế nào sẽ được trình bày ở phần tiếp theo của bài báo cáo này.

KHẢO SÁT THỰC TẾ

Mục tiêu nghiên cứu

Khảo sát PPGD và KTĐG tiếng Anh lớp 10 tại bốn trường THPT nhằm tìm hiểu

cách GV dạy và KTĐG bốn kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc và viết) và ba mặt của ngôn ngữ (văn phạm, từ vựng và ngữ âm) và kiểm chứng lại những định hướng về PPGD và KTĐG mà Bộ GDĐT và các chuyên gia biên soạn SGK đã yêu cầu GV THPT thực hiện.

Số lượng và đặc điểm của mẫu nghiên cứu

Nhóm nghiên cứu chọn một cách ngẫu nhiên bốn trường THPT trong sáu trường mà sinh viên Khoa NN đến thực tập tốt nghiệp để thực hiện khảo sát. Mỗi trường có 10 GV do tổ trưởng bộ môn tiếng Anh tại trường THPT chọn ra để tham gia. Đa số giáo viên đang trực tiếp giảng môn tiếng Anh khối 10 tại bốn trường THPT vào học kỳ II năm học 2011-2012. 16.8% GV giảng dạy dưới 5 năm, 34,2% từ 5-10 năm, 42.2% trên 10 năm và 7.8% trên 20 năm.

Công cụ thu thập dữ liệu

Mặc dù Bộ GDĐT quy định (như đã phân tích) việc đánh giá kết quả học tập của HS cần được thông qua bốn kỹ năng ngôn ngữ, kết hợp một cách hợp lý hình thức tự luận với TNKQ nhằm chuẩn bị tốt cho việc đổi mới các kỳ thi theo chủ trương của Bộ GDĐT (*trích từ tài liệu phân phối chương trình THPT trên trang web của Bộ*); tuy nhiên sau khi khảo sát các bài kiểm tra một tiết và đề thi cuối học kỳ do các GV THPT biên soạn (trang www.tailieu.vn), chỉ có kỹ năng đọc hiểu, văn phạm, từ vựng và ngữ âm được đưa vào bài kiểm tra; điều này cho thấy GV THPT soạn đề kiểm tra và đề thi hướng theo đề thi tốt nghiệp THPT và tuyển sinh Đại học và Cao Đẳng.

**Bảng 1. Số lượng câu hỏi của từng phần trong đề thi môn tiếng Anh
Tốt nghiệp THPT và Tuyển sinh ĐH năm 2011 và 2012**

	Đề thi Tốt nghiệp Trung học phổ thông		Đề thi Tuyển sinh Đại học Khối D	
	2011	2012	2011	2012
Văn phạm	31/50 (62%)	35/50 (70%)	36/80 (45%)	45/80 (56.2%)
Từ vựng	9/50 (18%)	6/50 (12%)	23/80 (28.7%)	13/80 (16.2%)
Ngữ âm	5/50 (10%)	5/50 (10%)	5/80 (6.2%)	5/80 (6.2%)
Kỹ năng đọc hiểu	5/50 (10%)	4/50 (8%)	16/80 (20%)	17/80 (21.2%)

Số liệu trên bảng 1 cho thấy đa số câu hỏi thuộc về kiến thức ngôn ngữ (chiếm 80%) trong đó số câu hỏi về văn phạm nhiều nhất. Do đó có thể giả định rằng, giáo viên cần phải kết hợp dạy theo hướng giao tiếp và dạy theo truyền thống thì HS mới có thể làm bài kiểm tra theo khung chung của đề thi tốt nghiệp THPT. Chính vì vậy, để tìm hiểu phương pháp giảng dạy của GV THPT, nhóm nghiên cứu thiết kế bảng câu hỏi khảo sát. Câu hỏi từ 1-7 có bốn phương án lựa chọn: (1) theo cách dạy truyền thống; (2) dạy theo hướng giao tiếp; (3) kết hợp cả (1) và (2), và (4) cách dạy riêng của GV.

Câu hỏi khảo sát số 1 nhằm trả lời câu hỏi nghiên cứu 1 mục tiêu và định hướng về phương pháp giảng dạy; từ câu 2-10 trên phiếu khảo sát giúp nhóm nghiên cứu tìm hiểu cách dạy và kiểm tra bốn kỹ năng và ba mặt của ngôn ngữ nhằm tìm câu trả lời cho câu hỏi nghiên cứu thứ 2. Câu hỏi số 8 khảo sát về mức độ sử dụng các kỹ thuật dạy từ vựng. Câu hỏi này gồm hai phần: (A) sáu kỹ thuật dạy từ vựng và (B) bao gồm 11 kỹ thuật (các hoạt động và trò chơi) giúp cho GV kiểm tra khả năng hiểu và nhớ từ vựng mà các em HS vừa học. Đối với câu hỏi số 8 GV được yêu cầu đánh dấu (x) vào ô chọn và năm mức độ để GV chọn là: (1) không bao giờ sử dụng; (2) hiếm khi sử dụng; (3) thỉnh thoảng có

sử dụng; (4) thường hay sử dụng và (5) luôn luôn sử dụng. Ở cuối câu 8, có yêu cầu GV giải thích đối với những kỹ thuật không bao giờ sử dụng. Câu số 9 khảo sát tìm hiểu hình thức kiểm tra 10 - 15 phút và câu số 10 yêu cầu GV liệt kê ra hình thức câu hỏi của bài kiểm tra viết một tiết và thi cuối học kỳ bởi vì theo quy định chung của Bộ (Bộ GDĐT, 2008) cấu trúc của bài kiểm tra một tiết và thi cuối học kỳ giống nhau. Ngoài ra, nhóm nghiên cứu còn thu thập dữ liệu thực tế từ các bài kiểm tra một tiết từ các trường này, đối chiếu bài kiểm tra này với thông tin về hình thức kiểm tra mà GV cung cấp ở câu hỏi số 9 và số 10 để kiểm chứng độ tin cậy của dữ liệu mà GV cung cấp.

Các bước thực hiện

Nhóm nghiên cứu thực hiện việc phát bảng câu hỏi và thu lại sau một tuần. Ngoài ra, nhóm cũng thu thập từ đề kiểm tra một tiết vừa được thực hiện tại các trường. Tổng số bài kiểm tra thu thập từ bốn trường là bốn đề. Sau đó tiến hành tổng hợp số liệu và phân tích kết quả.

KẾT QUẢ VÀ BÌNH LUẬN

Tổng số phiếu phát ra là 40 phiếu và nhóm nghiên cứu thu lại đủ 40 phiếu; tuy nhiên đối với nhóm ba có một phiếu không hợp lệ (do GV chọn hai phương án trả lời trong khi được yêu cầu chọn một trong bốn phương án) và nhóm bốn cũng có một

phiếu không hợp lệ. Do đó, kết quả phân tích dưới đây dựa trên 38 mẫu (nhóm 1: 10 mẫu, nhóm 2: 10 mẫu, nhóm 3: 9 mẫu và nhóm 4: 9 mẫu). Thông tin về hình thức kiểm tra 10 - 15 phút và một tiết mà GV cung cấp không được sử dụng để phân tích bởi vì có nhiều GV bỏ trống không ghi gì cả hoặc ghi không chính xác các thuật ngữ được sử dụng để mô tả hình thức câu hỏi trong đề thi tiếng Anh. Hơn nữa, khi đối chiếu bài kiểm tra một tiết của mỗi trường với thông tin về hình thức kiểm tra một tiết cũng có nhiều sai lệch. Do đó, dữ liệu về hình thức kiểm tra của GV được phân tích dưới đây được thu thập từ bài kiểm tra một tiết giữa học kỳ II của năm học này.

Phân tích và bình luận kết quả của mỗi nhóm

Nhóm 1 có điểm tuyển sinh vào lớp 10 cao nhất (35,25), nhóm 2 (29,75), nhóm 3 (32,5) và nhóm 4 (27,5) do đó về phương pháp giảng dạy có một số khác biệt so với ba nhóm còn lại.

Điểm khác biệt thứ nhất là đa số GV của nhóm 1 cho rằng mục tiêu giảng dạy là giúp cho HS phải nắm vững cả năng lực ngôn ngữ và phải đạt được mục tiêu giao tiếp. Điều này hoàn toàn tương đồng với cách dạy bốn kỹ năng ngôn ngữ của GV, chú trọng luyện kỹ năng nhiều hơn là năng lực ngôn ngữ. Khác biệt thứ hai so với ba nhóm còn lại là GV ít sử dụng kỹ thuật *dịch sang tiếng Việt* khi dạy từ vựng và các kỹ thuật GV sử dụng nhiều như là *giải thích nghĩa của từ mới bằng tiếng Anh, sử dụng tình huống và ví dụ, từ đồng nghĩa-trái nghĩa và giáo cụ trực quan*. Khi dạy văn phạm GV cũng hướng cho HS sử dụng các điểm văn phạm để thực hành giao tiếp. Điều này cho thấy trình độ của HS ảnh hưởng đến cách dạy của GV. Tuy nhiên có một số điểm tương đồng về phương pháp kiểm tra đánh giá như (1) bài kiểm tra gồm bốn phần chính: văn phạm, từ vựng, ngữ âm và kỹ năng đọc hiểu; (2) số lượng câu hỏi về văn phạm nhiều nhất; và (3) câu hỏi TNKQ chiếm hơn 70% số điểm của toàn bài.

Bảng 2. So sánh cấu trúc của bài kiểm tra một tiết của bốn nhóm

	<i>Tỷ lệ phần trăm của từng phần trên cả bài kiểm tra</i>			
	<i>Nhóm 1</i>	<i>Nhóm 2</i>	<i>Nhóm 3</i>	<i>Nhóm 4</i>
Đọc hiểu	10%	10%	10%	10%
Từ vựng	19%	28%	44%	10%
Ngữ âm	10%	8%	10%	10%
Văn phạm	61%	54%	36%	70%
Tổng số câu hỏi	38	45	50	40
TNKQ	78.9%	77.7%	100%	87.5%

Kết quả tổng hợp của bốn nhóm

Số liệu tổng hợp bốn nhóm GV cho thấy đa số GV (23/38, tỷ lệ 60.5%) chọn mục tiêu mà HS phải đạt được sau khi hoàn thành chương trình tiếng Anh 10 là chỉ nắm vững ba mặt của ngôn ngữ như

văn phạm, từ vựng và phát âm. Duy nhất một GV (1/38 chiếm tỷ lệ 2.6 %) đồng ý với mục tiêu Bộ GDĐT đưa ra nghĩa là HS phải đạt được năng lực giao tiếp theo 16 chủ đề trong SGK. Mục tiêu GV đưa ra hoàn toàn tương đồng với cách thiết

kế đề kiểm tra như đã đề cập ở trên cũng như cách GV khai thác bài giảng. Mặc dù theo SGK, GV phải dạy bốn kỹ năng ngôn ngữ, nhưng khi tiến hành bài giảng, GV chú trọng phần dạy từ vựng nhiều hơn là kỹ năng là khi dạy đọc hiểu. Đối với văn phạm, 42% GV dạy theo kiểu diễn giải và 37% GV hướng cho HS sử dụng để viết và nói. Phần dạy nói, 50% GV có sự linh động sao cho phù hợp với trình độ của HS và chỉ có 4/38 GV (chiếm tỷ lệ 10.5%) dạy theo định hướng của Bộ (Task-based instruction). Tương tự khi dạy nghe GV (48%) cũng có sự linh động trong việc lựa chọn cách dạy sao cho phù hợp với trình độ của HS. Tuy nhiên, dạy chú trọng phần kỹ năng nghe hơn là ngôn ngữ (34% theo cách dạy *top-down processing*), dạy chú

trọng phần ngôn ngữ trước (13% theo cách dạy *bottom-up processing*). Khi dạy viết GV (60%) cũng có sự linh động sao cho phù hợp với trình độ HS chứ không theo hướng dẫn của SGK và có một GV không dạy viết. Đối với từ vựng, GV thường hay sử dụng từ đồng nghĩa hoặc trái nghĩa để dạy từ vựng (TB cộng: 3.9/5) và mức độ sử dụng kỹ thuật này cao nhất. Dịch sang tiếng Việt xếp hạng thứ hai (TB cộng: 3.7/5); kế đến là giải thích nghĩa bằng tiếng Anh (TB cộng: 3.6/5), sử dụng giáo cụ trực quan (TB cộng: 3.5/ 5), ví dụ và tình huống (TB cộng: 3.3/5). Kỹ thuật ít sử dụng nhất là ngôn ngữ hình thể (TB cộng: 3.2/5). Kết quả này cho thấy cách dạy từ vựng của GV ít hỗ trợ cho HS phát triển kỹ năng ngôn ngữ.

Bảng 3. Điểm TB cộng mức độ sử dụng các kỹ thuật dạy từ vựng được xếp theo thứ tự từ cao nhất đến thấp nhất

<i>Kỹ thuật dạy từ vựng</i>	<i>Điểm TB cộng</i>
Từ đồng nghĩa hoặc trái nghĩa	3.9/5
Dịch sang tiếng Việt	3.7/5
Giải thích nghĩa của từ bằng tiếng Anh	3.6/5
Giáo cụ trực quan (hình ảnh, vật thật)	3.5/5
Ví dụ và tình huống	3.3/5
Ngôn ngữ hình thể, cử chỉ điệu bộ	3.2/5

KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT

Từ kết quả phân tích ở trên, có thể kết luận rằng: (1) mục tiêu mà các em HS phải đạt được sau khi xong môn tiếng Anh lớp 10 mà Bộ GDĐT cũng như các chuyên gia biên soạn SGK định hướng hoàn toàn khác với mục tiêu của 38 GV từ bốn trường THPT tại TP.HCM; (2) GV đã không áp dụng PPGD và KTĐG theo quy định của Bộ. Nghĩa là, một mặt GV phải hoàn thành các phần dạy kỹ năng ngôn ngữ theo SGK; tuy nhiên cách triển khai bài dạy cho thấy GV vẫn còn hướng về cách dạy truyền

thống chú trọng đến năng lực ngôn ngữ hơn là kỹ năng giao tiếp; và (3) sự khác biệt về mục tiêu đề ra và PPGD dẫn đến một sự khác biệt nữa là PP KTĐG kết quả học tập của HS.

Kết quả trên có ý nghĩa rất lớn đối với giảng viên đang trực tiếp dạy các môn học thuộc chuyên ngành giảng dạy tiếng Anh. Về PPGD, có thể kết luận rằng sinh viên chúng ta được trang bị đầy đủ kiến thức có thể đáp ứng nhu cầu giảng dạy tiếng Anh theo cách mà 38 GV THPT đang áp dụng và dạy theo hướng giao tiếp như

các chuyên gia biên soạn SGK cũng như Bộ GDĐT đã định hướng sẵn.

Mặc dù nhóm nghiên cứu đã đạt được mục tiêu đề ra một số hạn chế trong quá trình thực hiện đề tài nghiên cứu này: (1) với bảng câu hỏi được thiết kế, nhóm nghiên cứu chưa tìm hiểu được những nguyên nhân tại sao GV không thể áp dụng dạy theo hướng giao tiếp như Bộ đã hướng dẫn hoặc những khó khăn mà GV gặp phải trong quá trình giảng dạy các kỹ năng ngôn ngữ; (2) dữ liệu về PP KTĐG kết quả học tập của HS vẫn còn hạn chế.

Đề xuất

Đối với thành viên thực hiện đề tài nghiên cứu, nên nghiên cứu lại vấn đề trên phạm vi rộng hơn và nội dung sâu hơn, đặc biệt là cần tìm hiểu những trở ngại mà GV THPT gặp phải khi giảng dạy theo hướng giao tiếp nhằm tìm ra hướng khắc phục bởi vì dạy tiếng Anh giúp cho HS giao tiếp tốt không chỉ là kỳ vọng của Bộ GDĐT mà còn là mối quan tâm của nhiều bậc phụ

huynh và của toàn xã hội. Kết quả của nghiên cứu mới không những giúp GV đã và đang trực tiếp giảng dạy mà còn trang bị những bí quyết cho những tân GV mà chúng ta đang đào tạo tại trường.

Đối với giảng viên phụ trách các môn học chuyên ngành, cần cho sinh viên biết thực trạng về giảng dạy tiếng Anh ở THPT hiện nay nhằm giúp cho các em chuẩn bị trước về mặt tâm lý để tránh những ngỡ ngàng khi có cơ hội cọ xát với thực tế. Mặc dù kết quả nghiên cứu cho thấy nội dung các môn học về PPGD mà các em sinh viên Khoa NN được trang bị trước khi ra trường, nhưng các em có áp dụng thành công hay không còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau, đặc biệt là kỹ năng ngôn ngữ của các em khi đứng lớp. Vì vậy, chúng ta cần chú trọng đến phần phát triển và cải thiện kỹ năng ngôn ngữ của các em sinh viên trong quá trình học bởi vì kỹ năng ngôn ngữ tốt là một yếu tố quan trọng giúp các em giảng dạy thành công.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo Dục và Đào Tạo, (2003). *English Language Teaching Methodology, Teacher's workbook*. Hà Nội.
2. Bộ Giáo Dục và Đào Tạo, (2008), *Tiếng Anh 10*, Tái bản lần thứ 2, NXB Giáo dục.
3. Bộ Giáo Dục và Đào Tạo, (2006), *Tiếng Anh 10 (sách giáo viên)*, NXB Giáo Dục.
4. Bộ Giáo Dục và Đào Tạo, (2008). *Tài liệu phân phối chương trình THPT: Môn Tiếng Anh* (được áp dụng từ năm học 2008-2009). Có thể tìm từ trang web của Sở Giáo Dục và Đào Tạo TP.HCM. (<http://edu.hochiminhcity.gov.vn/GDTrungHoc/Anh>).
5. Doff, A. (1988). *Teach English: A training course for teachers, trainer's handbook*. Cambridge University Press in association with The British Council.
6. Freeman, L. D. (2000). *Techniques and Principle in Language Teaching*, 2nd Ed Oxford University Press.
7. Harmer, J. (1998). *How to teach English*. Longman.
8. Harmer, J. (2007). *The Practice of English Language Teaching*. 4th Ed. Longman.
9. Heaton, J.B. (1989). *Writing English Language Tests*. New Edition. USA: Longman and New York.

10. Nguyễn, Thúy Nga. (2009). Khảo sát mức độ đáp ứng nhu cầu người học và nhu cầu xã hội của chương trình đào tạo Phương Pháp giảng dạy tiếng Anh tại trường ĐH Mở TP.HCM. *Đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường*. Trường ĐH Mở TP.HCM.
11. Spratt, M., Pulverness, A; Williams, M. (2011). *The TKT Course: Modules 1, 2 and 3*. 2nd Ed. The United Kingdom: Cambridge University Press.
12. Trương, Viên (2011). Phân tích nhu cầu tuyển dụng - đề xuất đổi mới chương trình đào tạo và giáo trình ngành Cử nhân Sư phạm tiếng Anh. *Tạp chí Khoa học số 68*, Trường ĐH Ngoại Ngữ, Đại học Huế.

(Ngày nhận bài: 24/08/2012; Ngày chấp nhận đăng: 05/10/2012).